TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:20/2022/HNGĐ-ST
Ngày:30-3-2022
V/v: *Ly hôn, nuôi con chung giữa anh Á và chị N*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Chỉnh;

Ông Trần Văn Quân.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Tươi-Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 101/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/11/2021 về việc "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/3/2022và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2022 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Anh Phạm Công Á, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm 11 (xóm 7 cũ), N, xã X, huyện X, tỉnh Nam; có mặt

-*Bị đơn*: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1993; Nơi ĐKHK: Xóm 11 (xóm 7 cũ), Ng, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; hiện ở; xóm 15, thôn T, xã B, huyện , tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; địa chỉ: xóm 15, thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2021 lời khai quá trình giải quyết và tại phiên, nguyên đơn anh Phạm Công Á trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị N tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và đã được Ủy ban nhân dân xã X đăng ký kết hôn vào ngày

28/12/2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra gia đình đã động viên khuyên giải để nhằm hàn ngắn hạnh phúc vợ chồng xong không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ năm 2018 chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T ở xóm 15, thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc tan vỡ nên nguyện vọng của anh là được xin ly hôn chị Phạm Thị N

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Quỳnh A, sinh ngày 25/7/2013 và Phạm Minh T, sinh ngày 05/6/2015. Khi ly hôn anh xin nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con; hiện anh đang làm nghề cắt tóc mức thu nhập bình quân khoảng 7 triệu đồng/tháng.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho chị Phạm Thị N cũng như tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ nhưng chị Nở không đến Tòa án để làm việc cũng như không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án về việc anh Á xin ly hôn.

Theo biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của chị Phạm Thị ngày 13/01/2021, bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Á tự nguyện tìm hiểu, đăng lý kết hôn hợp pháp tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định vào năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng cung chung sống tại nhà của anh Á. Qúa trình chung sống anh Á và chị N xảy ra mâu thuẫn xuất phát do đâu, do ai thì không rõ, đến khoảng đầu năm 2020 thì chị Nở đã bỏ đi khỏi gia đình anh Á. Sau đó chỉ Nở đã về gia đình bà ở, anh Ánh đã nhiều lần tìm gọi và bản thân bà cũng đã khuyên giải chị Nở nhiều lần nhưng chị Nở không quay về. Nay anh Á xin ly hôn chị N, đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của anh Á để anh Á ổn định cuộc sống .

Về con chung: Chị N và anh Á có 02 con chung là cháu Phạm Quỳnh A và cháu Phạm Minh T; Hiện 02 con đang ở với anh Ánh và do anh Ánh chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu anh Á và chị N ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Bà không nắm rõ anh Á và chị N có những tài sản gì chung và có khoản nợ gì chung.

Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại UBND xã X.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Công Á và chị Phạm Thị N đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định vào ngày 28/12/2012. Sau khi anh Á và chị N lấy nhau, vợ chồng xảy mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Khi biết vợ chồng anh Á và chị N mâu thuẫn cơ sở xóm đã nhiều lần gặp trực tiếp anh Á và chị N để động viên, khuyên giải cả hai nhưng anh Á và chị N không tìm được giải pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Năm 2018 chị Nở bỏ

về nhà mẹ đẻ ở Thái Bình ở vợ chồng sống ly thân. Căn cứ vào tình trạng hôn nhân và lời trình bày của đương sự thì tình cảm, hạnh phúc giữa anh Á và chị không còn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để anh Á được ly hôn chị Nở.

Về con chung: Anh Á và chị N có 02 con chung tên Phạm Quỳnh A, sinh ngày 25/7/2013 và Phạm Minh T, sinh ngày 05/6/2015; Hiện hai con đang ở với anh Á. Anh Á trình bày với Tòa án là khi ly hôn anh Á xin nhận nuôi cả hai con, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con, còn chị N không có ý kiến gì thông qua lời khai của bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của chị N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật khi anh Ánh và chị N ly hôn, bản thân chị N không có ý kiến của mình gửi về cho Tòa án. Căn cứ vào lời trình bày của anh Á cũng như thực tế, để ổn định cho hai con được ăn học, tránh sáo trộn cuộc sống, mặt khác điều kiện khả năng của anh Á chăm sóc con tốt hơn, đề nghị Tòa án nên giao cho anh Á tiếp tục được nuôi cả hai con, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cũng như anh Á không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Về tài sản: Anh Á đề nghị Tòa án không xem xét về tài sản là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử ly hôn giữa anh Phạm Công Á và chị Phạm Thị N.

Về con chung: Giao cho anh Phạm Công Á tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con là Phạm Quỳnh A, sinh ngày 25/7/2013 và Phạm Minh T, sinh ngày 05/6/2015. Chị Phạm Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản: Anh Á không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp. Về án phí: Nguyên đơn anh Phạm Công Á phải nộp án ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chấp hành theo quy định của pháp luật, bị đơn tiếp tục vắng mặt không chấp hành theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Công Á và chị Phạm Thị N kết hôn hợp pháp. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống không hạnh phúc hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Khi mẫu thuẫn vợ chồng xảy ra mặc dù đã được gia đình động viên khuyên giải nhưng anh Á và chị N không tìm giải pháp nào để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ năm 2018 anh Ánh và chị Nở đã ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh Á xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc đã tan vỡ nên anh Á đơn xin ly hôn chị N. Mặc dù chị N biết anh Ánh có đơn xin nhưng không có ý kiến gì chứng tỏ chị cũng không thiết tha mặn mà với cuộc sống chung của vợ chồng. Xét thấy, mẫu thuẫn giữa anh Á và chị N là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Á đối với chị N là phù hợp với thực tế và pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Anh Á và chị Nở có 02 con chung là Phạm Quỳnh A, sinh ngày 25/7/2013 và Phạm Minh T, sinh ngày 05/6/2015. Nay ly hôn anh Á xin nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi chị Nở bỏ nhà đi hai con đều ở với anh Á và do anh Á chăm sóc, nuôi dưỡng cũng như nguyện vọng của cháu Quỳnh A xin được ở với bố. Căn cứ vào điều kiện khả năng chăm sóc của anh Á và để ổn định tinh thần tâm lý cho các cháu, tránh sáo trộn cuộc sống nên HĐXX sẽ giao cho anh Á tiếp tục được nuôi cả hai con và ghi nhận anh Á không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 của Luật hông nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Anh Ánh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Phạm Công Á và chị Phạm Thị N.

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Công Á tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Phạm Quỳnh A, sinh ngày 25/7/2013 và Phạm Minh T, sinh ngày 05/6/2015. Chị Phạm Thị không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Phạm Công Á phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0002886 ngày 26/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; anh Á đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Công Á có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Phạm Thị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã X: 01 bản;
- Các đương sự : 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Ngọc Long